

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 16/TTr-SKHCCN ngày 16 tháng 4 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 60 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

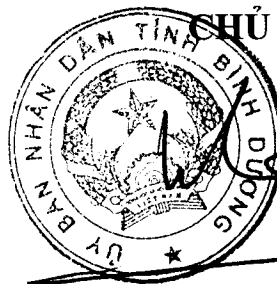
Bãi bỏ Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố TTHC mới; TTHC sửa đổi/bổ sung; TTHC bãi bỏ/hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố TTHC mới; TTHC sửa đổi/bổ sung; TTHC bãi bỏ/hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, KSTT, VX, Website;
- Trung tâm hành chính công;
- Lưu: VT. 35



**CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Liêm**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ</b>	
1	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ	5
2	Cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ (trong trường hợp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ bị mất, rách, nát, bị tiêu hủy)	10
3	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ	12
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	14
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	18
6	Thủ tục Bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ	23
7	Thủ tục Miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ	26
8	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm giao dịch công nghệ	29
9	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ	42
10	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ	54
11	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo	66
12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	78
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Sàn giao dịch công nghệ vùng	90
14	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	99



15	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	111
16	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	114
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	131
18	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	140
19	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	143
20	Thủ tục Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước	150
21	Thủ tục Sửa đổi và bổ sung thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước	154
22	Thủ tục Đăng ký và lưu giữ luận văn - luận án sau đại học	157
23	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	161
24	Thủ tục Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	167
25	Thủ tục Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	171
26	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	175
27	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	183
28	Thủ tục Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	287
29	Thủ tục Đề xuất/đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương	301
30	Thủ tục Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương	310
31	Thủ tục Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương	386
32	Thủ tục Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh	393

33	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước	396
34	Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	410
35	Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	421
36	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.	432
37	Thủ tục Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	438
38	Thủ tục Nghiệm thu dự án hoàn thành đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	438
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực sở hữu trí tuệ</b>	*
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	440
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	444
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân</b>	
1	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	447
2	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	453
3	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	465
4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ: Thay đổi các thông tin về tổ chức, cá nhân được ghi trong giấy phép bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax; hoặc Sau khi giảm bớt số lượng thiết bị bức xạ đã được cấp giấy phép do chuyển nhượng,... (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	474
5	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ: mất giấy phép hay giấy phép bị rách, nát,... (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	477
6	Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	480
7	Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế)	483

IV	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	
1	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	485
2	Thủ tục điều chỉnh nội dung của bản công bố sử dụng dấu định lượng (thay đổi về nội dung, bị thất lạc, hư hỏng)	488
3	Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu	491
4	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	495
5	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	498
6	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	504
7	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	508
8	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	513
9	Thủ tục cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	519
10	Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	532
11	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	545
12	Thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	550
13	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	556

Số: 16/TTTr-SKHHCN

Bình Dương, ngày 16 tháng 4 năm 2018

**TỜ TRÌNH**

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

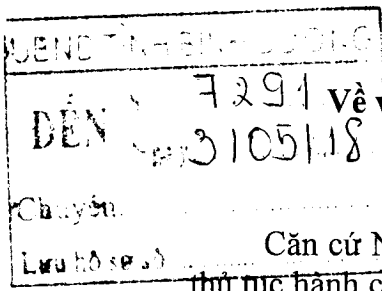
Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ;

Theo hướng dẫn rà soát, chuẩn hóa, công bố, công khai thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh tại công văn số 336/UBND-KSTT ngày 24/01/2018;

Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành rà soát các Quyết định công bố thủ tục hành chính do Bộ trưởng các Bộ, Ngành công bố cũng như các Quyết định công bố thủ tục hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố trước đây và đã xây dựng hồ sơ công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở với số lượng thủ tục hành chính được chuẩn hóa để công bố là: 60 thủ tục hành chính (không có TTHC cấp huyện và cấp xã), trong đó có 07 TTHC đặc thù; bao gồm 04 lĩnh vực: hoạt động khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Số TTHC tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bưu điện theo Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là 01 TTHC: *thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế* (giảm 01 TTHC so với Quyết định số 1593/QĐ-UBND, lý do: *thủ tục cấp thông báo kết quả kiểm tra chất lượng thép nhập khẩu* được bãi bỏ theo Thông tư số 18/2017/TT-BCT ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ một số điều của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu).

Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ để thay thế các quyết định: Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố TTHC mới; TTHC sửa đổi/bổ sung; TTHC bãi bỏ/hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố TTHC mới; TTHC sửa đổi/bổ sung; TTHC bãi bỏ/hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.



Hồ sơ kèm theo như sau:

- Dự thảo Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở ;

- Nội dung thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, VP (Th). *h*

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quốc Cường**